

# CỔ MẪU ÁNH SÁNG - BÓNG TỐI, HIỆN THỰC VÀ HUYỄN MỘNG TRONG THƠ VIỆT NAM SAU 1986<sup>(\*)</sup>

HOÀNG THỊ HUẾ  
NGUYỄN THỊ TÂN, LÊ NAM LINH, NGUYỄN THỊ HẢI LINH  
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

**Tóm tắt:** Khi suy tưởng về thế giới, các thi nhân đương đại đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhất nguyên phương Đông: trong âm có dương, trong dương có âm, trong bóng tối có ánh sáng và ngược lại. Chính vì vậy, cặp đôi cổ mẫu Bóng tối và Ánh sáng luôn song hành trong thơ ca đương đại. Bóng tối đồng nghĩa với cái chết, sự hủy diệt, tan rã, phá hủy, đó có thể còn là sự ác độc, đục vọng bí ẩn tăm tối. Ngược lại, ánh sáng biểu tượng cho sự sống, khởi đầu tinh khôi, sự hồi sinh, hi vọng, tình yêu, hạnh phúc. Thơ ca đương đại sử dụng các cổ mẫu này như một minh chứng cho sự vận động, cho bản hòa ca của sự phục sinh, sự chiến thắng của ánh sáng với bóng tối, của cái thiện với cái ác.

**Từ khoá:** Bóng tối, Ánh sáng, cổ mẫu, Thơ Việt nam đương đại, văn hoá.

## 1. MỞ ĐẦU

Thơ ca Việt Nam đương đại vừa mang giá trị thi ca của thời kỳ hội nhập văn hoá, vừa dung chứa những trầm tích văn hoá truyền thống của dân tộc và nhân loại. Hệ thống cổ mẫu, huyền thoại được tái sinh và biểu hiện trong thơ đương đại vừa như một chất liệu nghệ thuật để kiến tạo và phản ánh hiện thực, vừa như một phần của huyền mộng, mơ tưởng, nối kết cá nhân với chiều sâu văn hóa cộng đồng và nhân loại. Như một cặp đôi song hành, bóng tối và ánh sáng là cặp biểu tượng thường xuyên xuất hiện trong thi ca đương đại, là nơi chốn các thi nhân đào sâu thế giới bí ẩn, mơ hồ để khám phá và bày tỏ những khát khao tìm về phía ánh sáng. Những cổ mẫu, huyền thoại bóng tối, ánh sáng, được tái sinh sống động trong các tác phẩm thi ca đương đại với nhiều biến thể đa dạng, cùng những mối quan hệ nhiều chiều, vậy gọi trí tưởng tượng và khả năng đồng sáng tạo của độc giả. Bởi “Thơ ca hiện đại, hậu hiện đại ẩn chứa dày đặc các ẩn dụ, huyền thoại. Mọi hoạt động, hành vi đều có căn nguyên, được gieo vào tâm thức nghệ sĩ từ chiều sâu kí ức nhân loại, được biểu tượng hóa và đến lượt nó lại làm mới; làm sống lại văn bản mới và có liên hệ sâu xa với thế giới xung quanh” [10; tr.3]

## 2. CỔ MẪU BÓNG TỐI, HUYỄN MỘNG BÍ ẨN CỦA CHIỀU SÂU TÂM LINH, VÔ THỨC

Đêm trong quan niệm của người Hi Lạp là “con gái của Hỗn mang và Mẹ của đất trời. Đêm sinh ra giấc ngủ và sự chết, những giấc mơ và những mối lo âu, tình âu yếm và sự lừa dối” [5; tr.298]. Đêm là kiểu không gian phi thực - một kiểu không gian đặc trưng của tư duy huyền thoại, hư thực lẫn lộn, thoát thai từ những huyền tích cổ xưa của dân tộc. Đêm trong tâm thức của thi nhân đương đại là nơi dung chứa những khả năng sáng

tạo tiềm tàng, là không gian của giấc mơ và khao khát. Vì giải mã văn học từ góc độ văn hóa là hành trình trở về cội nguồn dân tộc: “Culture and literature dominant, interactions mutual influence. So itinerary search, decode literary from the cultural perspective is the journey back to my roots and culture conviction the value of truth, goodness, beauty of the nation.” [9 ;tr 30]

Hoàng Cầm là một trong những nhà thơ nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà phê bình phân tâm học. Có thể nói, thế giới thơ ông đậm đặc các cổ mẫu văn hóa, từ cổ mẫu văn hóa vùng quê Kinh Bắc đến cổ mẫu văn hóa Việt Nam, văn hóa phương Đông và văn hoá nhân loại. Đêm tối trong thơ Hoàng Cầm ẩn chứa huyền bí linh thiêng và khơi gợi nhiều bất ổn: *Đêm tiền sử, đêm vàng Kinh Bắc, đêm hồ tinh, đêm đồng lõa, đêm tàn kỹ nữ, đêm nguyệt tận, đuổi đêm đông, rượu đêm buồn...* Đêm trong thơ ông còn là những huyền tưởng về sự tương sinh tương khắc trong tồn tại của tự nhiên, vũ trụ: *Đêm Thủy, Đêm Thổ, Đêm Kim, Đêm Mộc, Đêm Hỏa*. Với Hoàng Cầm, *đêm* đồng nghĩa với vô thức, là bà đỡ, đồng lõa của sáng tạo, của giấc mơ...

*Đêm* trong thơ Hoàng Cầm là những ẩn ức nghẹn ngào của mối tình Chị - em: “Em vắt quả cam vàng đầu ngọn sông Thương/ Mất tròn côi xay/ Chẳng bao giờ ngủ trước sao mai/(...) Ngày chị bảo em quên/ Tranh tố nữ long hồ gián nhảm/ Mất chân đi/ Má đội tổ tò vò/ Cuốn chiếu xa rồi/ Thơ thần vách chiêm bao/ Ngày chị bảo em quên...” (Nước sông Thương - Hoàng Cầm). Những câu thơ vắt dòng, xé câu, leo thang chữ như nhịp điệu Quan họ, như chiều buông trên dòng sông Thương, đã để hở ra nhiều khoảng trắng, những giấc mơ. Tại sao *chị bảo em quên*, điệp khúc như những uất nghẹn của một tình yêu không bao giờ được hoá giải. Ngày *Chị* bảo là ngày nào? Yếu tố thời gian đã trở nên phi logic, siêu hình, hư vô. Nỗi nhớ của *Em* vì thế càng mãnh liệt, da diết, cháy bỏng, nồng nàn và đắm say, cuồng si hơn.... Những hình ảnh thơ : “...xa rồi/ Thơ thần vách chiêm bao/ Ngày chị bảo em quên...” như khắc sâu hình bóng chàng lãng tử si mê, lang thang trong mơ, trong chiều sâu tâm thức, như chơi với, tuyệt vọng theo đuổi mối tình si. Càng cô quên càng nhớ. Đó chính là bi kịch của những khát vọng bị dồn nén, để rồi bật ra thành khoảng trống mơ hồ thơ thần vách chiêm bao: “Đêm giao thừa ai đưa mưa ra/ Từ Thức tìm đâu một mái nhà/ Có phải chính em cần gió bắc/ Quát ngang sông Đuống buốt phù sa” (Bơ vơ - Hoàng Cầm); “Giáng Tiên mới chớm hội chùa/ Đã bay Từ Thức vào mơ mộng đào...” (*Tháng Giêng đi chậm* - Hoàng Cầm). Không gian *đêm* trong thơ Hoàng Cầm đã chuyển dịch vào tầng sâu của vô thức, triền miên xuôi theo những mộng tưởng Từ Thức gặp Tiên, Từ Thức hay chính thi nhân? Khó phân biệt thực và mộng.

Thực tại trong nhiều bài thơ của Hoàng Cầm rất khó tách bạch đâu là hiện thực đâu là giấc mơ. Chỉ thấy rằng, không thể phân biệt chủ thể và đối tượng, sự tráo ngoi, mờ nhòe, đồng nhất về không gian, huyền ảo và vô thức, tức thế giới khác, hiện thực khác với không gian tri nhận, khái thị của thi nhân, mở ra trong diễn ngôn những ký hiệu mở, tự thân mang nghĩa và sáng tạo nghĩa. Vì thế, *đêm* trong thơ Hoàng Cầm là biểu tượng thẩm mỹ đa nghĩa về một hiện thực khác, hiện thực bên trong tâm hồn với những bí ẩn của chiều sâu tâm linh, vô thức. Sáng tạo là hành động chấp chơi, chông chênh giữa

hiện thực và huyền mộng, bóng tối còn đồng nghĩa là nơi dung chứa những thăng hoa khát vọng:

“Khi lửa khói tàn đêm/ dòng sông êm ái/ Tôi lại gặp em, tưởng thảng năm dài chững lại/  
Em vẫn thế... thon cây mềm trái/Tóc hong chiều còn óng tuổi mơ xanh” (*Nguyên hình ảo vọng* – Hoàng Cầm).

Với Thanh Thảo, nhà thơ nổi tiếng với các trường ca, *đêm* là không - thời gian, nơi vô thức được giải phóng: “Đêm/ tiếng còi tàu/ vút qua tia sáng tím/ anh/ ngọn gió/ khi biển em yên bình/ anh/ mở neo/ khi vùng biển em đang bão” (*Đêm* - Thanh Thảo). Đêm - Bóng tối trong thơ đương đại nói chung và thơ Thanh Thảo nói riêng mang nét nghĩa của cổ mẫu nhân loại. Đó là những suy tư, chiêm nghiệm, triết luận và khát khao. Khảo sát tập “Châu Thổ” của Nguyễn Quang Thiều, một trong những tập thơ hay nhất của thơ ca đương đại, bóng tối là một hình tượng ám ảnh, thường xuyên trở đi trở lại trong thơ ông. *Đêm* xuất hiện 288 lần/144 bài thơ của tập thơ. Nhan đề nhiều bài thơ của ông ám áp bóng tối: “Bữa tối”, “Lúc ba giờ sáng”, “Đoản ca về buổi tối”, “Chuyển dịch màu đen”, “Bài ca những con chim đêm”, “Chúng ta có quyền ăn bữa tối”, “Tuyệt lúc nửa đêm”, “Bóng tối”, “Bài ca trong đêm cuối”... Nguyễn Quang Thiều có những câu thơ gân guốc, ấn tượng, nhờ khai thác kho cổ mẫu nhân loại, chú trọng đối lập sáng/tối, nóng/lạnh: “Ta như loài người tìm ra lửa ngày đầu/ Giờ chỉ còn đêm lặng cam trong ánh trắng lạnh buốt/ Những đồ đạc trong phòng lần lượt ngủ/ Và khi tôi ngược nhìn tôi trong chiếc gương của đời sống này, cái bóng bỏ đi/ Về cuối cánh đồng liền chân trời sắp sáng” (*Hồi tưởng tháng mười một* - Nguyễn Quang Thiều).

Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, bóng tối xuất hiện như những ám gợi về ký ức ngàn xưa, những ám ảnh và day dứt, giao thoa giữa cõi đời và cõi âm, địa ngục và thiên đường: “Khi những ngọn đèn dầu lần lượt tắt và chúng ta đi/ Tất cả những người chết trở về thành phố/ Trà trộn trong những linh hồn thánh thiện/ Những linh hồn ân hận, những linh hồn say đắm là những bóng ma”(Đoản ca về buổi tối). Có lẽ ký ức tuổi thơ và hình ảnh người bà nội với những câu chuyện kể đã tác động và làm nảy sinh trong trí óc non tơ của Nguyễn Quang Thiều cả một thế giới tưởng tượng, ăn sâu vào tâm tưởng thi nhân và có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình xây dựng những biểu tượng độc đáo trong tư duy thơ ông:

“Trong bóng tối ấu thơ, tôi cần giọng nói / Từ góc buồng ẩm mốc của bà tôi / Cây đèn của ký ức ấy cạn dầu và sợi bắc / Bò đến sát tai tôi, nức nở nguyện cầu” (*Hồi tưởng tháng Hai* - Nguyễn Quang Thiều).

Từ những sắc thái khác nhau về cổ mẫu *đêm* trong thơ Nguyễn Quang Thiều, người đọc có thể hình dung hình ảnh thi nhân như một đứa con của tình yêu quê hương sâu đậm, lặn sâu vào thân phận dân tộc mình, bản thể mình để suy tư, nghiệm sinh về bản thể đời sống và con người: “Tôi thả cơn mơ vào đêm thắm / Để nỗi buồn một chút đỡ lênh đênh / Đêm gần sáng là tôi vừa ba mươi tuổi / Với con tôi, tôi chưa gặp bao giờ / Và với em tôi chưa hề biết hết / ... Tôi tỉnh giấc trong đêm gần sáng / Thấy vọng về những xa vắng

xôn xao / ...Đêm lại đến muôn đời như điệp khúc / Như bài ca kẻ du mục không nhà”  
(*Đêm gần sáng* - Nguyễn Quang Thiều).

Đối với Nguyễn Quang Thiều, bóng tối - đêm đen còn là biểu tượng cho những lối mòn, sự lạc lõng, bế tắc của một cái tôi trữ tình hoang mang trước những đổi thay của cuộc sống. Ý niệm này thường gặp ở các nhà thơ nhiều trăm trở sáng tạo. Với Thanh Thảo, “Đêm ngẫu đục. Thất lạc. Cố trèo xuống để đi lên. Không thấy chiếc xe. Không thấy đường về. Những hàng rào. Những người lạ. (...) Đêm giăng mắc. Những hình ảnh thoáng qua. Những người không thể hỏi. Không đường về. (...) Cố nói to không thành tiếng. Cố hỏi không âm thanh...” (*Đích* - Thanh Thảo). Thi sĩ chợt nhận ra *đêm* như một cõi hỗn mang chứa đựng những cựa quậy, khao khát, hứa hẹn: “Những kẻ kiếm tìm trong đêm/ Một công việc một hy vọng một chôn nường thân / một khoảng trống/ Đêm hứa hẹn tất cả” (Thanh Thảo). Là nhà thơ trưởng thành trong chiến tranh chống Mỹ, *đêm tối* trong thơ Thanh Thảo còn gắn liền với những ngày tháng hành quân gian khổ, hiểm nguy rình rập: “*đêm hành quân*”, những “*đêm lội nước*”, những “*đêm mưa quất bốn bề*”, hành quân dưới ánh chớp màn mưa mà “*một khoảng khắc một bước chân có thể tôi còn anh mất*”. Sau 1986, hiện thực cuộc sống sau đổi mới với bao bộn bề giá trị đã buộc nhà thơ phải tái cấu trúc kí ức. Thi nhân tự làm một cuộc hành trình đi tìm bản thân mình, họ trở về với chính mình để suy nghĩ, để chiêm nghiệm, để sống thật với bản thân mình và những khát khao riêng tư. Đó là con đường thơ của Trần Tuấn, của Inrasara: “Lạnh canh tiếng ly muống đi trên con đường đêm/ chiếc xe đẩy người bán cà phê đêm về nhà lúc gần sáng/ nhà đầu trong đầu người đẩy xe mơ ngủ/ nơi ngã tư gần lụi đèn đường/ ụ giao thông ngồi làm nắm mộ/ có dăm giấc mơ dừng lại ngồi bên (*Giấc mơ sống sót* - Trần Tuấn). Với Inrasara, *đêm* không phải là cái cần thoát ra mà là cái cần tìm về, nơi nhà thơ nhận ra những khát khao yêu thương: “Đêm lặng trầm - đêm sâu/ Đêm chìm lời anh hát/ Đêm cháy lòng em khát (*Thu – Thấp nắng*, Inrasara).

Đặc biệt, những giọng thơ nữ nổi lên như một sự bứt phá với những khát vọng thầm kín, những giọng thơ vừa tha thiết, vừa táo bạo mãnh liệt. Khát vọng đi tìm cái tôi bản thể của nữ thi sĩ Lâm Thị Mỹ Dạ đã biến *đêm* thành giấc mơ gắn liền với cuộc sống, với sự hiện hữu của thân phận: “Đêm qua/ Tôi mơ thành tôi/ Tôi mơ thành chim/ Tôi mơ thành giấc mơ” (*Đề tặng một giấc mơ*- Lâm Thị Mỹ Dạ). Hay trong thơ của Ly Hoàng Ly, *đêm* mang dáng vẻ của nỗi buồn cô đơn, của thế giới huyền hoặc quyến luyến buộc ràng những yêu đương cháy bỏng, những khát vọng hoà hợp, càng khao khát, nỗi cô độc càng được khắc sâu: “Đêm giật mình thức giấc/ Không thấy anh bên cạnh/ Không hiểu sao lòng bàn tay đầy nước/ Đêm rót lên mình những giọt lạnh” (*Nửa đêm* – Ly Hoàng Ly). Đoàn Minh Châu khẩn nài tha thiết: “về đi/ đêm quánh đặc tràn vào hốc mắt/ con đường dập dềnh trôi qua tay trăm nghìn lối rẽ/ chẳng chịt những ngã tư vắng hoa/ những ổ gà ước mơ nát bét”. (*Về với mùa đông* - Đoàn Minh Châu). Những lệch chuẩn trong ngôn ngữ khi đề cổ mẫu “đêm quánh đặc tràn vào hốc mắt” đã tạo nên một cổ mẫu *đêm* mang đầy tính hình tượng, gọi cho người đọc nhiều trường liên tưởng thú vị. *Đêm* là một thực thể sinh động luôn gắn với một quan niệm về nhân sinh về cái đẹp. *Đêm* chứa đựng những hoang hoải của tâm hồn, những dự cảm kéo về từ quá khứ xa xăm, từ thân phận lỡ làng trong tình yêu của các cung tần mỹ nữ triều Nguyễn xa xưa: “Đêm trườn

dần vào Sông Hương/ tiếng hò vờ dưới gầm Trường Tiền/ khúc Nam ai những cung phi  
góa bụa/ chèo thuyền vớt xác mình trên sông” (Huệ - Phan Huyền Thư).

Ly Hoàng Ly nói nhiều hơn về nỗi buồn nhân sinh, về những cảm nhận của cái tôi mang  
đậm yếu tố giới tính, với khát vọng thành thật. Thi nhân xót thương cho những kiếp  
người “Tôi còn đau/ bọn trẻ hoang/ mùi nắng đại/buồn nỗi vó bè/ lơ lửng thương đêm/  
Thiếu phụ chong đèn/ Khâu đợi chờ thành tấm chăn ủ men ái tình thương côm” (Lô lô -  
Ly Hoàng Ly). Đó là nỗi buồn hoang dại, thăm sâu của thi nhân trước thực tại khắc  
nghiệt đau xót của hiện thực đời sống.

Mãnh liệt và tha thiết với cuộc đời và con người nên giọng thơ càng buồn, càng suy tư  
hơn về lẽ tồn vong, về ý nghĩa tồn tại của con người: “câu chuyện hôm qua / không có  
em trong đó/ và ban tối, em đã chui vào bức tranh tung tóe những khát vọng dang dở/  
tìm anh/ giấc mơ hình tượng.” (Tượng hình kín – Đoàn Minh Châu). Con người không  
biết đi đâu về đâu, bởi cuộc sống mưu sinh nghèo khổ ngọt ngạt. Em tìm anh hay tìm  
chính mình?. Những khát vọng tung tóe như bức tranh dang dở không thể hoàn tất.  
Người mà Em đi tìm là chính mình chứ không phải là Anh hay cái bóng của một ai  
khác, và, việc khẳng định sự hiện tồn của bản thân đối với mỗi con người là hành động  
tất yếu.

### 3. CỎ MẪU ÁNH SÁNG, HIỆN THỰC CỦA NHỮNG KHỞI ĐẦU TINH KHÔI

Khi suy tưởng về thế giới, các thi nhân đương đại đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhất  
nguyên phương Đông: trong âm có dương, trong dương có âm, trong bóng tối có ánh  
sáng và ngược lại. Chính vì vậy, cặp đôi cỏ mẫu Bóng tối và Ánh sáng luôn song hành.  
Bóng tối đồng nghĩa với sự hủy diệt, tan rã, sự phá hủy, cái chết, đó có thể còn là sự ác  
độc, đục vọng bí ẩn tăm tối. Tuy nhiên, “Cũng như bất kì biểu tượng nào, đêm biểu thị  
tính hai mặt, mặt tăm tối, nơi đương lên men mọi chuyển biến và trù bị cho ban ngày, ở  
đó lóe ra ánh sáng của sự sống” [5; tr.298]. Có bóng tối mới có ánh sáng. Ánh sáng  
cũng là ban mai, buổi sớm, là những khởi đầu tinh khôi của hồi sinh, hi vọng, của tình  
yêu và hạnh phúc. Thơ ca đương đại sử dụng cặp cỏ mẫu này như một minh chứng cho  
sự vận động: “Những người dậy sớm”, “Mỗi sáng tôi mở cửa”, “Những ngọn đôi ban  
mai”, “Ban mai”, “Bài ca ban mai trên những quả đồi Achill”, “Cây ánh sáng” (Nguyễn  
Quang Thiệu)... Đó là những minh chứng cho bản hòa ca của sự phục sinh, sự chiến  
thắng của ánh sáng với bóng tối, của cái thiện với cái ác:

“Chiếc bánh xe trâu một nửa đã qua đêm/ Một nửa thùng cỏ tươi còn trong bóng tối/ Và  
sau tiếng huầy ơ như tiếng người chọt thức/ Những ngọn ban mai mơn mớn rướn mình”  
(Ban mai – Nguyễn Quang Thiệu).

Ánh sáng và bóng tối trong thơ Thanh Thảo tượng trưng cho chân lý vĩnh hằng, cho một  
trương lai hòa bình và một xã hội lý tưởng. Những cỏ mẫu ánh sáng có khi xuất hiện dày  
đặc trong hình ảnh của: Ngọn lửa, Mặt trời, Đám cháy, Ngọn nến... biểu trưng cho  
những bùng nổ về những mong manh của đời sống, hoặc có khi là những ám dụ về cái  
chết kề trong gang tấc của người chiến sĩ: “đêm hành quân qua nhiều đồng lúa/ bùng tự  
nhiên ngay giữa lời mồn” (Một người lính nói về thế hệ mình – Thanh Thảo).

Cũng vì lẽ đó, thi nhân đương đại luôn đề sự sống vận động về phía ánh sáng, tình yêu, sự hoan lạc, tức là đề chiều âm của sự sống tự vận động, trở mình, hoán chuyển để đạt tới chiều dương: “Giữa mênh mông màu nắng quê hương/ Hỏi tôi còn tìm thiên đường đâu nữa” (*Ngụ ngôn của đất – Tháp nắng – Inrasara*).

Ánh sáng bùng lên: “Khi niềm vui tan trong nỗi đau vỡ hoang ánh nắng” (*Hạt mùa mới – Lễ Tẩy trần tháng Tư - Inrasara*).

Ánh sáng và bóng tối kết nối con người và vạn vật từ cõi hữu hình đến cõi vô hình, làm chúng, che chở dẫn đường cho việc tìm lại mình và chiến thắng cái xấu, cái ác:

“Đã thiếp ngủ đầu đầy tội lỗi, lương thiện đầu đầy cũng ngủ, những pho sách ngủ mãi từ thế kỷ trước bởi quá mệt mỏi / Chỉ vòm cây trước nhà an ủi kẻ đau đớn không ngủ trong tiếng rì rào /... Chàng quỳ xuống và ngược lên Cây ánh sáng vĩ đại nhất đang tỏa mãi tán lá ban mai không lồ / Miệng chàng mở những cánh đồng hoa rục rờ và giọng nói chàng cất lên” (*Cây ánh sáng - Nguyễn Quang Thiều*).

Với Vi Thùy Linh, ánh sáng được cụ thể hoá thông qua những hình ảnh mặt trời, lửa, nắng, bình minh, cầu vồng... tồn tại như những cổ mẫu về tình yêu. Ngược với đêm sâu lở làng duyên phận, ánh sáng trong thơ Vi Thùy Linh còn là sự bùng nổ của tình yêu, là thế giới của sự sống, ánh sáng và sự trường cửu:

“Giá chúng mình mãi mãi ở bên nhau/ Anh chớp mắt đổ một trời ánh sáng/ Những ước vọng thành cỏ đời xanh mướt/ Đi hết ánh nhìn, mình hoá đá trong nhau... (*Tự tình - Vi Thùy Linh*).

Với Vi Thùy Linh, tình yêu có thể “đẩy bật bóng tối”. Ánh sáng là nguồn sống khiến “bóng tối và cái chết không thể trùm lên em”. “Vì Anh bao bọc em bằng hơi ấm thủy chung bằng ánh sáng” cho nên “tình yêu Anh khởi động lại thế giới” (*Nơi ánh sáng - Đồng tử - Vi Thùy Linh*). Bóng tối đồng nghĩa với bản năng và là không gian dung chứa cả tốt lẫn xấu, thấp hèn lẫn cao cả: “Đêm tấu lên/ Tiếng chó sủa/ Mèo gào/ Một nghiền ruỗng những góc tối/ Tiếng rên rỉ khoái lạc/ Tiếng ú ớ của người mê ngủ/ Cả tiếng gì không rõ sung tấy ở nơi cô hống...” (*Tiếng đêm - Vi Thùy Linh*). Trong nhiều bài thơ: *Tự Tình, Nơi ánh sáng, Bài ca số phận, Solo...* cổ mẫu ánh sáng đồng nghĩa với tình yêu, người yêu, nguồn sáng ấm áp của hạnh phúc miên viễn. “Vàng mây trắng” trong thơ Vi Thùy Linh mang màu sắc riêng, đặt trong quan hệ với những cổ mẫu khác: thánh giá, tình yêu; miền linh thánh: miền tình yêu; khúc giao linh... khơi gợi sự thương thức bằng mọi giác quan của con người, với những phương thức biểu đạt mới lạ, độc đáo mang tính tượng trưng.

Cổ mẫu ánh sáng, mặt trời còn khơi dậy khát khao khởi đầu những hành trình của tự do, của một cái tôi đầy kiêu hãnh của người phụ nữ hiện đại, đi như một phương thức làm mới chính mình, tìm kiếm bản thể. Hành động dẫn thân đầy cá tính và mạnh mẽ vô cùng ấy còn là lựa chọn của một đứa trẻ: “tường mặt trời ấm hơn/ Đứa trẻ rời lòng mẹ/ Trên đường rơi lá ngấm trọn hình cây” (*Hát tặng chia lìa - Nguyễn Ngọc Tú*). “lòng mẹ” là nơi chôn ươm ấp, bình yên mà ít ai muốn rời xa, nhưng đứa trẻ đã mạnh dạn chọn con

đường từ bỏ những yên bình quen thuộc, tìm kiếm một điều gì đó mới mẻ, vi thể, đưa trẻ đã có được sự trải nghiệm đầy thú vị cho cuộc đời mình, được “ngắm trọn hình cây”.

Ánh sáng và bóng tối vừa nâng đỡ, chờ che cho khát vọng, vừa là động lực mãnh liệt để con người vươn tới chân, thiện, mỹ. Nguyễn Quang Thiều dường như đã nói hộ thể hệ mình khi tái sinh cặp đôi ánh sáng/bóng tối trong thơ ông: “Đêm gần sáng tôi nghe rất rõ/ Hạnh phúc, thương đau rung tê tái tim mình/.../Tôi cần có những đêm gần sáng/ Để thấy mình soi bóng xuống suy tư/.../Nhân loại khóc trong đêm những đêm gần sáng/ Vàng trắng soi mặt nhân loại say mê” (*Đêm gần sáng* - Nguyễn Quang Thiều). Hoặc “Trong ánh sáng của một đêm chủ nhật/ Những chiếc áo giam cầm đập cánh bay lên” (*Những chiếc áo* - Nguyễn Quang Thiều). Có thể nói, tuy cổ mẫu bóng tối xuất hiện ở nhiều tầng bậc, nhưng cổ mẫu ánh sáng trong câu thơ của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều là hình ảnh kiêu hãnh của mầm sống, của sự chiến thắng giữa ánh sáng với bóng tối: “Cậu bé chạy trong ban mai / Xuyên qua dòng thác ánh sáng / Kiêu hãnh và đẹp hơn sự nảy mầm” (*Đó ai tìm thấy tôi ở đây* - Nguyễn Quang Thiều).

Cổ mẫu ánh sáng và bóng tối đã chi phối sâu sắc tới các thi nhân đương đại, từ cảm hứng đến lựa chọn phương thức nghệ thuật. Các thi sĩ đương đại ấy đã lựa chọn việc biểu hiện ánh sáng và bóng tối bằng các phương thức nghệ thuật mới mẻ, đan xen, xáo trộn của rất nhiều thể thơ, những sáng tạo ngôn ngữ hết sức độc đáo. Chữ và nghĩa được lắp ghép, cắt dán rất khác lạ, tạo nên những lớp nghĩa mới, mở rộng trường liên tưởng.

#### 4. KẾT LUẬN

Có thể thấy, thơ đương đại luôn chứa nhiều gam màu trái ngược, rục rờ và huyền mộng, ánh sáng và bóng đêm... Cổ mẫu ánh sáng và bóng tối đã mở ra những mảng màu sáng tối lẫn lộn, hiện thực trở nên mờ nhoè, như là sự hòa phối của những mảng màu vung vãi trong bức tranh siêu thực. Đó là những suy tư chiêm nghiệm về cuộc sống và tình yêu, niềm tin và đời thực, mở ra nhiều không gian khác. Đó là không gian của các trầm tích văn hoá dân tộc, nhân loại, không gian ẩn thân của đời người từ khi sinh ra, lớn lên và qua đời. Trong quá trình sáng tác, cổ mẫu với tư cách những ký ức, dấu chỉ văn hóa xa xưa của nhân loại thường xuyên hiện hữu ở tầng sâu vô thức nghệ sĩ và vận hành trong sự đồng hóa những kinh nghiệm bên ngoài với những sự kiện tâm linh, chi phối nhà văn trong quá trình sáng tạo. Những năng lượng tinh thần từ ngàn đời của nhân loại, của dân tộc ẩn hiện trong các Cổ mẫu, tạo ra những ẩn dụ và kiến giải mới về văn chương và cuộc đời. “Renovation period from 1986 to the present, to expand exchange and integration with the world has given the Vietnamese culture new contacts, which create format personality towards medium to promote traditional beauty, just adapt to the new era, but also make the wounds, pain distortion on the shape personality” [8; tr.13].

(\*) Bài báo được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Tên đề tài: Thơ Việt Nam đương đại đầu thế kỷ XXI nhìn từ lý thuyết phê bình huyền thoại. Mã số đề tài: B2020-DHH-04.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Allen Graham (2000). *Intertextuality*, Routledge, London.
- [2] Anatoli A. Sokolov (*Vân Trang dịch*) - *Văn hóa và văn học Việt Nam trong những năm đổi mới (1986 - 1996)* (Nguồn: www.talawas.org).
- [3] Đào Duy Anh (1938/1998). *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp.
- [4] Đào Ngọc Chương (2008). *Phê bình huyền thoại*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
- [5] Jean Chevalier (2002). *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [6] Dean K. Forbes (1991). *Doi Moi: Vietnam's Renovation, Policy, and Performance* (Political and social change monograph). Australian National University. Department of Political and Social Change,  
Available at <https://books.google.com.vn/books?id=iZZuAAAAMAAJ>, Accessed 1/4/2016.
- [7] Frye Northrop (2000). *Anatomy of Criticism Four Essays*, Princeton and Oxford Publisher.
- [8] Hoàng Thị Huệ (2014). Acculturation in Vietnamese contemporary literature, *International Journal of Communication and Media Studies (IJCMS)*, Vol. 6, Issue 3, Jun 2016, 13-18, Australia.
- [9] Hoàng thị Huệ (2017). Identify Vietnamese Culture: A Review from Contemporary Literature Perspective, *International Journal of Intensive studies on Language, Literature, Art and Culture*, Indonesia.
- [10] Hoàng Thị Huệ (2015). Ánh xạ từ biểu tượng *Cái Tôi* trong thơ một số nhà thơ Việt Nam đương đại, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, số 4, NXB Đại học Huế.
- [11] Trần Quốc Vượng (2000). *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, NXB Văn học, Hà Nội.

**Title:** THE ARCHETYPE OF LIGHT AND DARKNESS, THE REALISTIC AND MYTH IN VIETNAMESE POETRY AFTER 1986

**Abstract:** When contemplating the world, contemporary poets are influenced by the idea of the Eastern unity: In yin we have yang, in yang, we have yin, in the dark there is light and opposite. That's why the model couple: Darkness and Light always go parallel. Darkness is synonymous with destruction, dissolution, destruction, death, which can also be evil, the mysterious desire of darkness. On the contrary, light is also morning, early morning, the primal beginnings of revival, hope, of love and happiness. In contemporary poetry, poets uses this archetype as one proof, for the movement, for the harmony of the resurrection, the triumph of light and darkness, of good and evil.

**Keywords:** Darkness, Light, archetype, Vietnamese contemporary poetry, culture.